

Các bạn sinh viên thân mến,

Bước vào trường đại học, các bạn bước sang một giai đoạn mới của hệ thống đào tạo với mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo khác nhiều so với các giai đoạn giáo dục phổ thông mà các bạn đã trải qua. Vào một trường đại học cụ thể, chắc các bạn gặp không ít ngỡ ngàng đối với tổ chức, phương thức hoạt động, quy định và nề nếp của cơ sở đào tạo này.

Bằng tài liệu này, nhà trường mong muốn tạo điều kiện để các bạn sớm hội nhập vào môi trường đào tạo đại học.

Quá trình đào tạo luôn là sự kết hợp hài hòa giữa hai hoạt động: giảng dạy và học tập. Trong quá trình đào tạo để nâng cao kiến thức, kỹ năng trong bối cảnh hiện nay, khi khối lượng tri thức phát triển mạnh mẽ như vũ bão, muốn thành đạt người sinh viên phải đóng vai trò chủ đạo. Việc các bạn cùng tập thể nhà trường sớm làm chủ quá trình đào tạo sẽ góp phần đáng kể cho sự tiến bộ, trưởng thành của các bạn trong thời gian theo học tại trường.

Hy vọng rằng bản Niên giám này sẽ đem lại lợi ích cho các bạn. Mong được các bạn quan tâm nghiên cứu và sử dụng tài liệu này.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

[A] QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG

[I] Lịch sử phát triển tổ chức

Tiền thân của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Tp. Hồ Chí Minh (SEC). SEC được thành lập theo Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. SEC được vinh dự là trường cao đẳng đầu tiên của cả nước đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ.

Tháng 04/2004, trên cơ sở xem xét năng lực và thành tích đào tạo của trường, Chính phủ ra Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh (SEU) trên cơ sở Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Tp. Hồ Chí Minh.

Đến tháng 03/2005, theo Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, trường được đổi tên thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn.

Tháng 07/2007, Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn chính thức đổi tên thành Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn. Tên tiếng Anh là Saigon Technology University (STU).

Ngoài hệ chính quy, với sự đánh giá tốt về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, nhà trường còn được Bộ giáo dục và đào tạo cho phép đào tạo hệ ngoài chính quy (theo Quyết định số 3410/QĐ-BGDĐT) và được đào tạo hệ hoàn chỉnh đại học (liên thông đại học từ cao đẳng chính quy) (theo Quyết định số 7373/QĐ-BGDĐT).

Đến năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường liên kết đào tạo với Đại học Troy – Hoa kỳ (Quyết định 5759/QĐ-BGDĐT) – cấp bằng Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Troy.

Kể từ năm 2016, Trường bắt đầu tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ với chuyên ngành Công nghệ Thực phẩm (theo Quyết định số 1052/QĐ-BGDĐT).

Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, cử nhân và kỹ sư của trường thuộc hệ thống văn bằng quốc gia và có giá trị trong cả nước.

Hiện nay, STU có chức năng đào tạo thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân, và cao đẳng; nghiên cứu khoa học; và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Kỹ thuật công nghệ:
 - + Công nghệ kỹ thuật Cơ, điện tử
 - o Chuyên ngành Công nghệ Cơ điện tử;
 - o Chuyên ngành Công nghệ robot và trí tuệ nhân tạo.
 - + Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử
 - o Chuyên ngành Điện công nghiệp và cung cấp điện;
 - o Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.
 - + Công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông
 - o Chuyên ngành Điện tử viễn thông;
 - o Chuyên ngành Mạng máy tính.
 - + Công nghệ kỹ thuật Điện tử truyền thông
 - + Công nghệ thông tin
 - + Công nghệ thực phẩm
 - o Chuyên ngành Công nghệ thực phẩm;
 - o Chuyên ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.
 - + Kỹ thuật xây dựng
 - o Xây dựng dân dụng và công nghiệp
 - + Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
- Lĩnh vực Kinh tế - Quản trị Kinh doanh:
 - + Quản trị kinh doanh
 - + Quản trị kinh doanh chuyên ngành Kế toán

- + Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị tài chính
- + Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị Marketing
- Lĩnh vực Thiết kế công nghiệp (Mỹ thuật công nghiệp):
 - + Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế sản phẩm
 - + Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế thời trang
 - + Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế đồ họa
 - + Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế nội thất

[II] Quá trình đào tạo

Khóa sinh viên cao đẳng đầu tiên bước vào học tập chính thức ngày 29/12/1997, khai giảng chậm hơn lệ thường hơn hai tháng. Sĩ số sinh viên khóa 1 là 800 và khóa 2 là 900. Do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong vùng và thực lực ngày một nâng lên của trường, từ khóa 3 (khóa tuyển sinh 1999) về sau, hàng năm nhà trường tuyển vào khoảng 1.200 – 3.800 sinh viên mới.

Tính đến nay, qua 23 năm đào tạo, Trường đã tuyển được 22 khóa cao đẳng, 17 khóa đại học, 16 khóa liên thông đại học và 09 khóa trung cấp. Đào tạo được 17.709 kỹ sư/cử nhân đại học, 11.198 kỹ sư/cử nhân cao đẳng và 1.819 người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp. Trong đó, 30.292 người tốt nghiệp hệ chính quy tập trung và 433 người tốt nghiệp hệ vừa làm vừa học.

Với các hệ đào tạo: trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, liên thông đại học, cao học chính quy tập trung và ngoài chính quy, STU đã trở thành một trường đào tạo liên thông uyển chuyển, toàn diện.

Kể từ khóa tuyển sinh 2009, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ ở hai bậc học đại học và cao đẳng.

Từ năm học 2012 – 2013, thực hiện chỉ thị chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã dừng tuyển sinh đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

Từ năm học 2017 – 2018, thực hiện chỉ thị chung của Chính phủ, nhà trường đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục trình độ cao đẳng trực thuộc Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý.

[III] Hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục:

Tháng 04/2017, STU trở thành thành viên liên kết của AUN-QA Network (Asean University Network – Quality Assurance Network)

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2018 – 2023 theo Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục số 023/CEAHCM-TR ngày 04/06/2018 do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Thực phẩm đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của AUN – QA, giai đoạn 2020 – 2025 theo Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo số AP547STUOCT20 do Tổ chức Mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á cấp trong tháng 04/2021.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2021 – 2026 do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh thực hiện việc đánh giá ngoài và đang chờ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng.

[B] CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG:

Hiện nay nhà trường tổ chức theo hệ thống hai cấp: Trường và Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm. Bên cạnh đó, còn có một số bộ môn trực thuộc trường.

[I] Lãnh đạo trường

1. Hội đồng quản trị (HDQT)

Hội đồng Quản trị là tổ chức cao nhất trong nhà trường. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đề ra đường lối, chủ trương lớn về phát triển mọi mặt của nhà trường. Hội đồng Quản trị được bầu ra từ những người có khả năng và tâm huyết trong xây dựng nhà trường, những nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý và các đại diện cho những người góp vốn. Đứng đầu Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ở Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, Hội đồng Quản trị phụ trách thực hiện việc đầu tư, xây dựng cơ bản các công trình có quy mô đầu tư lớn.

2. Ban Giám hiệu

Đứng đầu Ban Giám hiệu là Hiệu trưởng. Hiệu trưởng là người đại diện toàn diện cho nhà trường trước xã hội và pháp luật.

Hiệu trưởng được Hội đồng Quản trị thống nhất đề cử và do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định bổ nhiệm.

Hiện nay, Hiệu trưởng nhà trường là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Cao Hào Thi, nguyên là Trưởng khoa Quản lý Công nghiệp của Trường Đại học Bách Khoa thuộc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Sau khi có sự đồng ý của Hội đồng Quản trị nhà trường, Hiệu trưởng đề cử các Phó Hiệu trưởng để Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận.

Phó Hiệu trưởng hoạt động theo sự phân công của Hiệu trưởng, được thay mặt Hiệu trưởng điều hành và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng một số phần việc trong phạm vi được giao phó, ủy nhiệm.

[II] Các Phòng, Ban

Tham mưu cho Hiệu trưởng và thực hiện các chức năng cụ thể trong công tác quản lý trường là các phòng chức năng và một số bộ phận khác.

1. Phòng Đào tạo

Phòng Đào tạo có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về mặt tổ chức đào tạo, tiến hành tổ chức thực hiện công tác giảng dạy và học tập đối với tất cả các hệ đào tạo, từ kế hoạch tổng thể đến thời khóa biểu chi tiết. Phối hợp với Ban Chủ nhiệm các Khoa trong việc huy động, bố trí lực lượng giảng viên. Tiến hành tốt các công việc từ tuyển sinh đến kiểm tra, thi cử, tốt nghiệp. Quản lý đầy đủ các hồ sơ, cơ sở dữ liệu về đào tạo của trường. Cung cấp các nhận xét, kết quả học tập của sinh viên. Theo dõi tình hình giảng dạy của Thầy Cô, giúp cho Ban Giám hiệu thực hiện đầy đủ chế độ thù lao, khen thưởng đối với người dạy. Phối hợp tốt với Phòng Kế hoạch – Tài chính trong việc theo dõi thu học phí, lệ phí. Ngoài ra, Phòng còn có nhiệm vụ theo dõi việc học tập, bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ sư phạm của giảng viên. Tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xác định ngành nghề đào tạo, cơ cấu ngành nghề.

2. Phòng Hành chính – Quản trị

Phòng Hành chính – Quản trị có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng tổ chức điều hành các hoạt động trong trường nề nếp, hài hòa, theo đúng các quy định chung của nhà trường. Phòng Hành chính – Quản trị phụ trách khâu công văn, giấy tờ đi đến của nhà trường, đảm bảo thông tin thông suốt, công tác lưu trữ và bảo mật. Đảm bảo để những văn bản cần thiết đều đến với cơ quan đầu não của trường, và những vấn đề liên quan đến kịp thời đối với các bộ phận chức năng hữu quan trong trường. Thư từ của sinh viên, học sinh cũng được Phòng chuyển nhận đầy đủ. Phòng có chức năng giữ gìn trật tự, an ninh trong toàn trường. Phòng Hành chính – Quản trị phụ trách việc phục vụ tiếp tân cho Lãnh đạo nhà trường. Ngoài chức năng hành chánh, Phòng còn có chức năng quản trị trong trường: tổ chức quản lý tốt các công trình, các hệ thống điện, nước, hệ thống thông tin trong toàn trường; mua sắm, tổ chức tu sửa nhỏ ... theo đúng quy định của Trường; Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện các dự án đầu tư trang bị mới phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu của nhà trường.

3. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và chủ trì tiến hành các công tác kế hoạch tài chính, tổ chức quản lý tài chính, tài sản của trường. Phòng tiến hành thực hiện tốt công tác thu chi và sử dụng

tài chính. Quản lý tốt nguồn vốn cũng như khối tài sản của nhà trường. Sinh viên đóng học phí, lệ phí tại phòng này.

Phòng Kế hoạch – Tài chính thay mặt nhà trường giao dịch và hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ đóng thuế của trường đối với nhà nước.

4. Phòng Quản lý Khoa học và Sau Đại học

Trong công tác Nghiên cứu Khoa học, Phòng Quản lý Khoa học và Sau Đại học có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc định hướng, cũng như tổ chức công tác nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên của trường, tìm cơ hội và tổ chức các hoạt động mở rộng hợp tác trong và ngoài nước về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, Phòng còn có nhiệm vụ theo dõi việc nâng cao trình độ khoa học của Thầy Cô giáo thông qua công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cũng như theo học các bậc cao học, tiến sĩ.

Trong công tác quản lý đào tạo Sau đại học, Phòng Quản lý Khoa học và Sau Đại học có chức năng tham mưu về chiến lược phát triển đào tạo sau đại học cho nhà trường và thực hiện quản lý hoạt động đào tạo sau đại học của Trường đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chất lượng trong nước và nhanh chóng hội nhập khu vực.

5. Phòng Công tác Sinh viên

Phòng Công tác Sinh viên có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng và thực hiện những chủ trương biện pháp giúp sinh viên rèn luyện, không ngừng tiến bộ, và phát triển con người toàn diện, phát triển tài năng trong thời gian theo học tại trường. Phòng tiến hành các công tác tuyên truyền, phổ biến, học tập các đường lối chính sách, pháp luật trong sinh viên; phối hợp với Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên hỗ trợ cho sinh viên trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách, tư vấn về các mặt học tập, nghề nghiệp, đời sống tâm lý cho sinh viên, tổ chức đời sống tinh thần, văn nghệ, thể thao vui tươi lành mạnh, phong phú. Phòng này còn có chức năng tổ chức khánh tiết trong các dịp hội họp, lễ hội của Trường.

6. Ban Thanh tra Giáo dục và Tổ giám thị

Ban Thanh tra giáo dục giúp Hiệu trưởng thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác giáo dục, đào tạo trong nhà trường, nhằm tăng cường hiệu lực quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo.

7. Ban Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục

Tham mưu giúp Hiệu trưởng và trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo chất lượng đào tạo trong nhà trường.

Thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ trường.

Điều phối công tác đánh giá, kiểm định ở cấp độ nhà trường và cấp độ chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Quốc tế.

8. Ban Khoa học Cơ bản

Tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo các môn học cơ bản trong các chương trình đào tạo do Trường quản lý. Chỉ đạo việc xây dựng đề cương chi tiết các môn học do Ban quản lý, tổ chức biên soạn tập bài giảng, tài liệu tham khảo, bài tập, giáo trình môn học, ... Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giảng viên và sinh viên trong Trường. Xây dựng kế hoạch và khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị thuộc Ban quản lý. Quản lý cán bộ giảng viên của Ban theo quy định của nhà trường. Lập bảng thống kê, báo cáo thường kỳ về tình hình giảng dạy, học tập, rèn luyện và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định của nhà trường. Phối hợp với các khoa và các bộ phận chức năng để thực hiện chức năng quản lý của Ban nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chung của nhà trường.

Ban Khoa học Cơ bản không có chức năng quản lý sinh viên. Tuy nhiên, Ban Khoa học Cơ bản có trách nhiệm phối hợp với các Phòng ban và khoa khác giải quyết các vấn đề của sinh viên liên quan đến những nội dung công việc do Ban phụ trách khi có yêu cầu.

10. Các Hội đồng cấp trường

Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường có vai trò quan trọng trong việc tư vấn cho Hiệu trưởng về những định hướng lớn, có tính chất căn bản về đào tạo, nghiên cứu, nhằm giúp nhà trường phát triển ổn định, vững vàng, không ngừng đổi mới, tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển trong xu thế hội nhập. Thành phần của Hội đồng gồm các nhà khoa học, nhà trí thức, nhà kinh doanh ở trong và ngoài trường.

Tùy theo nhu cầu hoạt động của nhà trường, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định thành lập các Hội đồng chuyên đề khác như: Hội đồng Tư vấn phát triển, Hội đồng Tuyển sinh, Hội đồng Tốt nghiệp, Hội đồng Tuyển dụng, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng, Hội đồng Kỷ luật,

[III] Trung tâm Đào tạo Quốc tế (ITPC)

Tháng 01/2007, Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Trung tâm Đào tạo Quốc tế (ITPC) tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hợp tác đào tạo. Tại Trung tâm đang tổ chức đào tạo các chương trình liên kết với nước ngoài như liên kết với Đại học Troy – một trong những trường đại học công lập có chất lượng tốt ở miền Nam Hoa kỳ, chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, chất lượng đào tạo do Đại học Troy quản lý theo tiêu chuẩn Quốc tế. Văn bằng Cử nhân do Đại học Troy cấp. Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các chương trình liên kết đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ.

[IV] Cấp khoa

Đứng đầu Khoa là Trưởng khoa. Ở Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, các Trưởng khoa đều là Tiến sĩ, Tiến sĩ Khoa học; nhiều người đạt học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư.

Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức và quản lý mọi hoạt động trong phạm vi khoa. Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa do Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm, sau khi thông qua Hội đồng Quản trị. Các Phó Trưởng khoa do Trưởng khoa đề cử.

Lãnh đạo Khoa quản lý việc đào tạo, nghiên cứu trong các ngành thuộc Khoa, quan tâm đầy đủ đến tình hình rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong của sinh viên trong toàn Khoa. Trong bối cảnh hội nhập, việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo để theo kịp các trường trong khu vực cũng như trên thế giới là nhiệm vụ cấp bách và nặng nề đối với Lãnh đạo các Khoa. Khoa có vai trò to lớn trong việc thực hiện “dân chủ ở cơ sở”. Ban chủ nhiệm Khoa thường xuyên kiểm tra, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên và sinh viên trong đơn vị mình trong khuôn khổ quy định của trường. Khoa chịu trách nhiệm cải tiến, bổ sung, đề xuất với nhà trường trang bị mới các thiết bị đào tạo, nghiên cứu thuộc đơn vị mình. Trưởng khoa có trách nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị, vật tư hiện có ở các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập thuộc Khoa, đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu giảng dạy và học tập. Bên cạnh, nhiệm vụ chính là đào tạo, việc tổ chức bồi dưỡng, trao đổi tri thức, kinh nghiệm giữa các đồng nghiệp trong và ngoài Khoa là hoạt động được quan tâm thường xuyên.

Tư vấn cho Trưởng khoa về các phương hướng lớn, liên quan đến công tác đào tạo, nghiên cứu cho các ngành thuộc Khoa quản lý có Hội đồng Khoa học Khoa. Hội đồng Khoa học Khoa do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập.

[V] Những đơn vị, bộ phận khác trong nhà trường

Để phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu và hỗ trợ cho các hoạt động đa dạng của cán bộ, sinh viên trong trường, trường còn có các đơn vị sau:

- Thư viện: Có nhiệm vụ phục vụ, thu thập, lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin cho cán bộ và sinh viên như: báo, tạp chí, thông tin qua mạng cho toàn trường. Thư viện đã được xây dựng và đi vào hoạt động từ Tháng 08/2007. Tại thư viện, ngoài hệ thống sách và tài liệu tham khảo dạng bản in còn có thư viện điện tử, giúp cán bộ, sinh viên kịp thời cập nhật tài liệu, kiến thức.
- Các bộ phận phục vụ khác: Có trách nhiệm phục vụ tốt cho Thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên, sinh viên học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người hoàn thành tốt công tác và việc học tập của mình. Các bộ phận này hoạt động lấy phục vụ làm chính, tạo sự

thoải mái, thuận tiện trong trường. Bao gồm các mặt công việc sau đây: ký túc xá sinh viên; nhà ăn – căn tin, tổ photocopy, tổ giữ xe.

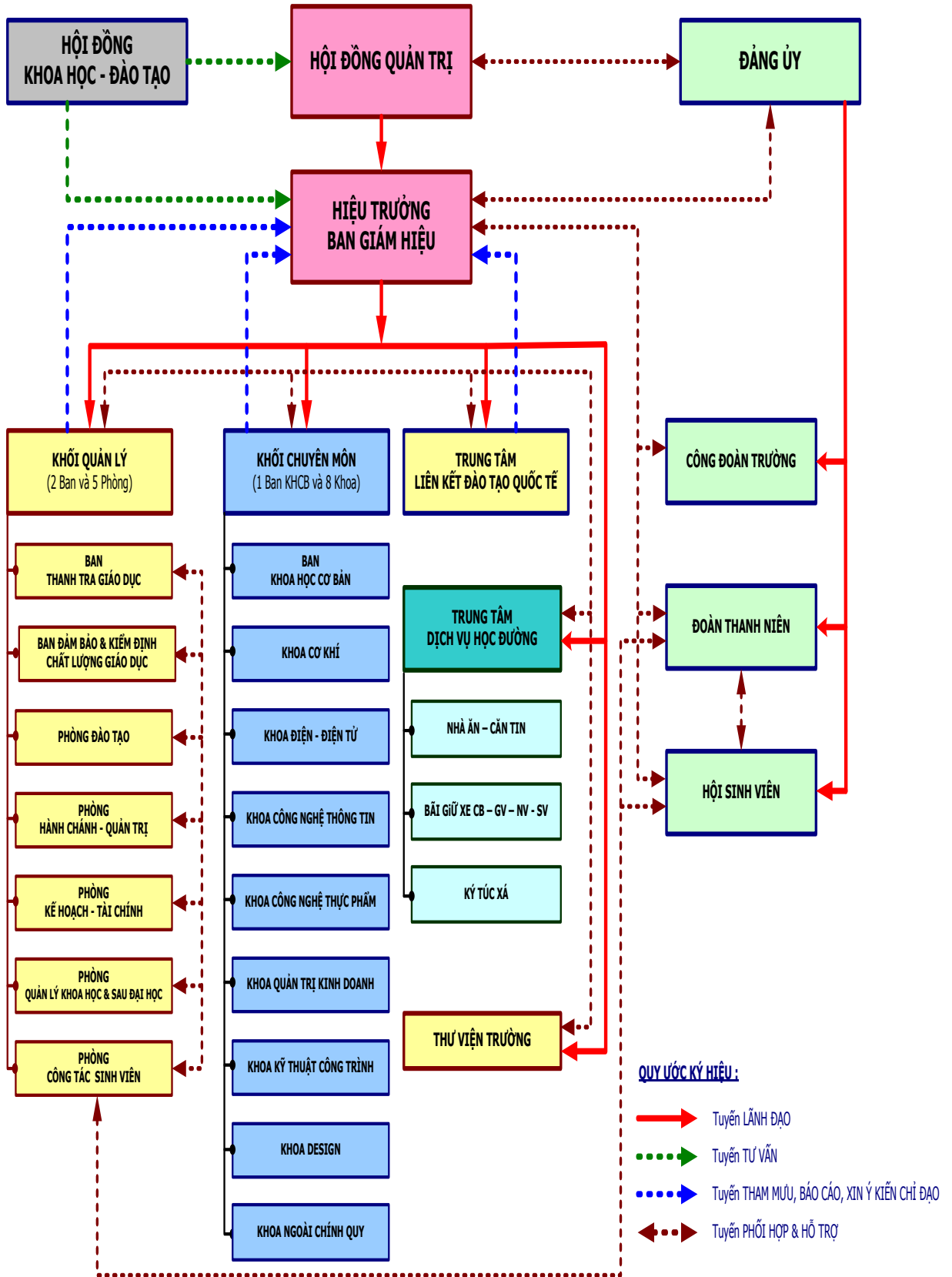
[VI] Danh sách và vị trí các khoa, phòng và ban trong nhà trường

| Đơn vị | Vị trí | Điện thoại | Số Nội bộ |
|--|-------------|----------------|----------------------|
| 1. Văn phòng Đảng ủy, Công đoàn | P.204 Khu C | +84.2838505520 | 123 |
| 2. Văn phòng Đoàn Thanh niên | P.103 Khu C | +84.2838505520 | 226 |
| 3. Văn phòng Hội sinh viên | P.103 Khu C | +84.2838505520 | 226 |
| 4. Trung tâm Đào tạo Quốc tế | P.206 Khu A | +84.2838505520 | 202 |
| 5. Khoa Cơ khí | P.110 Khu B | +84.2838505520 | 141 |
| 6. Khoa Điện – Điện tử | P.111 Khu C | +84.2838505520 | 217 |
| 7. Khoa Công nghệ Thông tin | P.108 Khu C | +84.2838505520 | 131 |
| 8. Khoa Công nghệ Thực phẩm | P.104 Khu C | +84.2838505520 | 130 |
| 9. Khoa Quản trị Kinh doanh | P.102 Khu C | +84.2838505520 | 139 |
| 10. Khoa Kỹ thuật Công trình | P.121 Khu C | +84.2838505520 | 220 |
| 11. Khoa Design | P.203 Khu C | +84.2838505520 | 357 |
| 12. Ban Khoa học Cơ bản | P.119 Khu C | +84.2838505520 | 444 |
| 13. Ban Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục | P.104 Khu A | +84.2838505520 | 151 |
| 14. Ban Thanh tra Giáo dục | P.406 Khu C | +84.2838505520 | 330 |
| 15. Phòng Công tác Sinh viên | P.406 Khu A | +84.2838505520 | 148 |
| 16. Phòng Đào tạo | P.105 Khu C | +84.2838505520 | 106, 107, 109 và 116 |
| 17. Phòng Hành chính Quản trị | P.101 Khu A | +84.2838505520 | 101, 110, 224 và 228 |
| 18. Phòng Kế hoạch – Tài chính | P.109 Khu C | +84.2838505520 | 117, 333 và 340 |
| 19. Phòng Quản lý Khoa học và Sau đại học | P.207 Khu A | +84.2838505520 | 206 và 207 |
| 20. Thư viện | P.407 Khu A | +84.2838505520 | 346 và 347 |
| 21. Ký túc xá | | +84.2838508673 | |

[VII] Danh sách Khoa phụ trách ngành đào tạo:

| Khoa | Ngành đào tạo phụ trách |
|--------------------------|--|
| Khoa Cơ khí | Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử |
| | <ul style="list-style-type: none"> • CNKT Cơ điện tử, chuyên ngành Công nghệ Cơ điện tử • CNKT Cơ điện tử, chuyên ngành Công nghệ robot và trí tuệ nhân tạo |
| Khoa Điện – Điện tử | Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên ngành Điện công nghiệp và cung cấp điện • Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa. |
| | Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên ngành Điện tử viễn thông; • Chuyên ngành Mạng máy tính. |
| Khoa Công nghệ Thông tin | Công nghệ Thông tin |
| Khoa Công nghệ Thực phẩm | Công nghệ Thực phẩm |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên ngành Công nghệ thực phẩm; • Chuyên ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. |
| Khoa Quản trị Kinh doanh | Quản trị Kinh doanh |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Kế toán • Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing • Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Tài chính |
| Khoa Kỹ thuật Công trình | Kỹ thuật xây dựng |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật Xây dựng, chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp |
| Khoa Design | Thiết kế công nghiệp |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế sản phẩm • Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế đồ họa • Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế thời trang • Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế nội thất |

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN



[C] CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU CỦA NHÀ TRƯỜNG

[I] Trường sở

Từ năm 1997 đến đầu năm 2002, việc đào tạo của STU chủ yếu được tiến hành tại Cơ sở 354 Bến Chương Dương, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh.

Cùng với bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, sau một thời gian khẩn trương xây dựng, vào học kỳ 1 năm học 2002 – 2003 nhà trường đã đưa vào sử dụng cơ sở mới, xây dựng tại Cánh Đồng điều Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh.

Cơ sở 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh

Trường tọa lạc tại số 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh với khuôn viên đẹp và rộng trên $20.000 m^2$. Tại đây, khu nhà học chính rộng trên $20.000 m^2$ đã được xây dựng. Khu trường mới có đầy đủ giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, trung tâm máy tính, hội trường, nhà ăn, ... Các kiến trúc sư đã cấu tạo một hệ thống nhà hiện đại, có dáng dấp một đại học kỹ thuật, với màu sắc, hình khối hài hòa.

Điểm đặc sắc của trường là có nhiều cây cối, và bồn hoa. Sân trước và sân trong của trường rộng rãi, yên tĩnh, được chăm chút cẩn thận như một công viên thu nhỏ, tạo không khí tĩnh lặng cho người ham học, ham nghiên cứu. Ở trường có mạng internet hữu tuyến và vô tuyến. Trong khuôn viên của Trường có thể sử dụng tốt hệ thống mạng thông tin này.

Phía sau khu trường là sân chơi đa năng và sân bóng đá với kích thước gần đạt chuẩn.

Ký túc xá của sinh viên, với sức chứa hơn 500 chỗ, được xây dựng khang trang trong khuôn viên Trường, tạo điều kiện thuận cho sinh viên trong học tập, sinh hoạt và vui chơi.

Nhà trường luôn chú trọng đầu tư, xây dựng và phát triển cơ sở vật chất ngày càng lớn mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu phong phú, đa dạng của nhà trường. Trên diện tích đất 02 hecta, nhà trường đã xây dựng được $28.000 m^2$ sàn, trong đó trên $20.000 m^2$ diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp cho đào tạo. Với quy mô đào tạo hiện tại, nhà trường đạt điều kiện gần $4,0 m^2$ /sinh viên.

Hướng đến năm 2021 - 2022, trường đang triển khai dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 4; với diện tích xây dựng toàn dự án là $6.412 m^2$; và diện tích sàn xây dựng mới là $15.542 m^2$.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã trở thành một trong các trường ngoài công lập có điều kiện cơ sở vật chất tốt.

[II] Lớp học, Phòng thí nghiệm

1. Phòng học

Trường có khoảng 90 phòng học, với tổng diện tích phòng học hiện nay là $18.000 m^2$. Phòng học cao ráo, sáng sủa, thoáng mát, âm thanh vừa phải.

2. Các cơ sở thực hành trong trường

Nhà trường rất cố gắng trang bị để đảm bảo tính chất “công nghệ” của nhà trường. Trừ Khoa Quản trị Kinh doanh, lấy thư viện và các phần mềm tin học làm nguồn tư liệu khoa học chính yếu, các Khoa khác đều có phòng thí nghiệm, xưởng thực tập hoặc phòng máy tính chuyên ngành.

Hiện nay ở trường có các cơ sở thực hành sau đây:

- + Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương
- + Phòng thí nghiệm Khoa học Thực phẩm
- + Phòng thí nghiệm Chất lượng Thực phẩm
- + Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học Thực phẩm
- + Phòng thí nghiệm Phát triển sản phẩm
- + Phòng thí nghiệm Chế biến Thực phẩm
- + Phòng thí nghiệm Kỹ thuật Thực phẩm

- + Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng
- + Phòng thí nghiệm Cơ học đất
- + Trung tâm Tính toán ứng dụng
- + Phòng thí nghiệm Khí nén và Thủy lực
- + Phòng thí nghiệm Cơ khí
- + Phòng thí nghiệm Tự động hóa, CNC
- + Xưởng Cơ khí
- + Phòng thí nghiệm Schneider Electric
- + Phòng thí nghiệm Điện tử số
- + Phòng thí nghiệm Kỹ thuật Điện tử
- + Xưởng Điện tử
- + Phòng thí nghiệm Thông tin sợi quang
- + Phòng thí nghiệm Công nghệ Chip
- + Phòng thí nghiệm Khí cụ điện
- + Phòng thí nghiệm Máy điện
- + Phòng thí nghiệm Mạch và Đo
- + Phòng thí nghiệm Hệ thống nhúng
- + Xưởng thực tập Điện
- + Xưởng thực tập Điện Dân dụng
- + Phòng thí nghiệm Điện tử Viễn thông
- + Phòng thí nghiệm Điện tử Công suất
- + Phòng thí nghiệm Điều khiển Tự động
- + Phòng thí nghiệm PLC
- + Phòng thực tập Điện tử Dân dụng
- + Phòng Rửa mạch in của Xưởng thực tập Điện tử
- + Phòng chuyên đề Đồ họa & Studio ảnh
- + Phòng chuyên đề Nội thất
- + Xưởng Thời trang
- + Xưởng Vẽ mỹ thuật
- + Xưởng Tạo dáng và Điều khắc 1 & 2
- + Phòng chuyên đề của Khoa Quản trị Kinh doanh.
- + Phòng chuyên đề và câu lạc bộ khởi nghiệp.
- + Phòng Multimedia
- + Trung tâm Điện toán
- + Phòng Truyền hình trực tiếp.

[D] GIỚI THIỆU NGÀNH ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG:

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đào tạo Thạc sĩ, Cử nhân/Kỹ sư cho các chương trình đào tạo cao học, đại học và cao đẳng thuộc các ngành học sau đây:

| Ngành đào tạo | Hệ chính quy tập trung | | | | Vừa làm vừa học | |
|---|------------------------|---------|--------------------|----------|-----------------|--------------------|
| | Cao học | Đại học | Liên thông đại học | Cao đẳng | Đại học | Liên thông đại học |
| Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | | 7510203 | 7510203 | 6510304 | 7510203 | 7510203 |
| Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | | 7510301 | 7510301 | 6510303 | 7510301 | 7510301 |
| Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông | | 7510302 | 7510302 | | 7510302 | 7510302 |
| Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông | | | | 6510312 | | |
| Công nghệ thông tin | | 7480201 | 7480201 | 6480201 | 7480201 | 7480201 |
| Công nghệ thực phẩm | 8540101 | 7540101 | 7540101 | 6540103 | 7540101 | 7540101 |
| Quản trị kinh doanh | | 7340101 | 7340101 | 6340114 | 7340101 | 7340101 |
| Kỹ thuật xây dựng | | 7580201 | 7580201 | | 7580201 | 7580201 |
| Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | | | | 6510104 | | |
| Thiết kế công nghiệp | | 7210402 | 7210402 | 6210401 | 7210402 | 7210402 |

1. **Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử (Cơ – Điện tử)**

Ngày nay, các thiết bị sản xuất tự động với công nghệ cao đã được sử dụng ở hầu hết các ngành sản xuất, ở các nhà máy, xí nghiệp nước ta. Trước nhu cầu cấp bách đó, từ năm 1997, lần đầu tiên tại Việt nam, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, được phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã mở ngành Cơ – Điện tử ở bậc cao đẳng. Sinh viên ngành Cơ – Điện tử của trường được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật được đem ứng dụng trong các thiết bị công nghiệp hiện đại, bao gồm các lĩnh vực cơ khí, khí nén, thủy lực, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, vi xử lý, kỹ thuật điều khiển tự động, với công cụ là công nghệ tin học. Sinh viên phải làm việc ở các phòng thí nghiệm hiện đại (với PLC, tay máy công nghiệp, ...) và tham quan thực tập tại các nhà máy, xí nghiệp. Với phạm vi kiến thức nhiều mặt và cơ bản đã được trang bị, với khả năng chuyên môn khá đa dạng của ngành Cơ – Điện tử, sinh viên tốt nghiệp có những cơ hội việc làm rất rộng ở tất cả những nơi có sử dụng các thiết bị công nghiệp mới.

2. **Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử (Điện – Điện tử)**

Ai cũng rõ vai trò của điện năng và công nghiệp điện tử. Năng lượng điện và thiết bị điện tử đã đi vào cuộc sống hàng ngày. Với khung thời gian đào tạo là bốn năm (cho hệ cao đẳng là ba năm), sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về điện, điện tử và tin học để có thể nắm bắt và giải quyết được các bài toán kỹ thuật do ngành nghề đặt ra. Mạch điện, kỹ thuật điện tử, tín hiệu và xử lý tín hiệu, điện tử công suất, sản xuất – truyền tải – phân phối năng lượng điện, tự động điều khiển, kỹ thuật số, tin học ứng dụng. Đó là những khối kiến thức bắt buộc sinh viên ngành Điện – Điện tử phải nắm vững. Ngoài phần kiến thức trên, sinh viên còn phải có trình độ thực hành nhất định qua việc học tại các phòng thí nghiệm (mạch điện, điện tử, điện tử ứng dụng, điện tử công suất, kỹ thuật số, máy điện, khí cụ điện, ...) và tại các xưởng thực hành điện và điện tử. Tốt nghiệp ra trường, kỹ sư ngành Điện – Điện tử có đầy đủ tay nghề và bản lĩnh nghề nghiệp để làm việc trong các xí nghiệp công nghiệp và các cơ sở của ngành điện lực.

3. **Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông**

Điện tử – viễn thông là ngành đang được hiện đại hóa và phát triển nhanh nhất hiện nay. Trong một thời gian ngắn hầu như các tiến bộ của ngành này đều đã được du nhập vào Việt nam: thông tin vệ tinh, điện thoại di động, truyền hình số, truyền hình cáp, ... do đó chương trình đào tạo phải đáp ứng, phải theo kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật đó. Những vấn đề như tổng đài điện thoại, xử lý số, các hệ thống thông tin dân dụng hiện đại, điện thoại di động, thông tin viba số, ... đều không thể thiếu được trong chương trình đào tạo. Sau khi đã trang bị các kiến thức cơ sở, sinh viên phải hoàn thành các khối lượng thí nghiệm và đúc kết các hiểu biết qua các bài tập lớn. Trong các bài tập lớn đó sinh viên phải tự mình thi công bản thiết kế do mình làm ra. Những thiết kế có tính khoa học cao sẽ được nhà trường hỗ trợ để hoàn thiện. Các phòng thí nghiệm, các xưởng của trường hoàn toàn có đầy đủ khả năng đảm bảo các công tác thực hành kỹ thuật cho sinh viên.

4. **Ngành Công nghệ Thông tin**

Công nghệ thông tin (CNTT) là một trong những ngành mũi nhọn của Công nghiệp 4.0, một trong những ngành nghề có nhu cầu cao trong xã hội tại thời điểm hiện nay và ít nhất trong khoảng 20 năm tới. Trong Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, ngành CNTT được coi là một trong những ngành công nghệ chủ lực. Những năm gần đây, số lượng sinh viên mới đăng ký học CNTT tại trường liên tục tăng trưởng. Đó là cơ hội đồng thời cũng là thách thức lớn đối với đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường cũng như giảng viên ngành CNTT.

Chương trình đào tạo ngành CNTT của Trường được xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm tích lũy hơn 20 năm giảng dạy kết hợp với sự tham khảo các chương trình đào tạo CNTT của các trường đại học hàng đầu trên thế giới và Việt Nam. Chương trình bao gồm đào tạo kỹ sư CNTT và cử nhân cao đẳng CNTT. Chương trình được tăng cường các học phần thực hành giúp cho sinh viên không những nắm vững kiến thức lý thuyết mà còn được rèn luyện những kỹ năng CNTT cơ bản và chuyên sâu phục vụ tốt cho công việc sau khi ra trường. Nội dung chương trình bao gồm những kiến thức hiện đại về hệ thống thông tin, lập trình di động, mạng máy tính, ... phù hợp với khả năng của sinh viên học tại trường và đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Toàn bộ sinh viên ngành CNTT bắt buộc phải hoàn thành khóa luận để có thể được tốt nghiệp và cấp bằng.

Chương trình đào tạo ngành CNTT được xây dựng theo học chế tín chỉ với 146 tín chỉ cho hệ kỹ sư và 101 tín chỉ cho hệ cử nhân cao đẳng. Chương trình được cập nhật hàng năm với những nội dung được bổ sung, bám sát những công nghệ mới nhất. Chương trình được chia thành các khối kiến thức: Kiến thức xã hội nhân văn, kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các khối kiến thức được biên soạn với tỷ trọng hợp lý, được phân bổ theo trình tự logic bao gồm cả các học phần bắt buộc và tự chọn, đảm bảo tính thống nhất, khoa học và hiện đại của chương trình.

Giảng dạy chương trình CNTT là đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm với 35 người với hầu hết có trình độ sau đại học chuyên ngành CNTT trong đó có 2 PGS, 5 TS. Các giảng viên đều tốt nghiệp các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo CNTT với hơn 350 máy tính nối mạng Internet, đáp ứng đầy đủ cho các nhu cầu thực hành cơ bản và chuyên sâu. Ngoài ra, với sự hợp tác và hỗ trợ của các công ty tin học, máy tính tại TP.HCM, hàng năm sinh viên CNTT còn được đi kiến tập thực tế tại cơ sở các đối tác, cho phép sinh viên làm quen với công việc trong tương lai.

Hoàn thành chương trình đào tạo CNTT, tuyệt đại đa số sinh viên đều có việc làm theo đúng chuyên ngành đào tạo ngay trong 3 tháng đầu tiên ra trường. Đó là sự công nhận cao của xã hội đối với kết quả đào tạo CNTT của trường. Đó cũng là một thành tích rất đáng khích lệ đối với thầy trò Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

5. Ngành Công nghệ Thực phẩm

Thế mạnh ở Việt nam và nhất là các tỉnh phía Nam là sự dồi dào về sản phẩm nông nghiệp. Do vậy, ở khu vực này có rất nhiều xí nghiệp chế biến thực phẩm. Sinh viên ngành Công nghệ Thực phẩm không những được trang bị các kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ thực phẩm như: hóa học thực phẩm, hóa sinh thực phẩm, vi sinh vật thực phẩm, cảm quan thực phẩm, các quá trình công nghệ và thiết bị kỹ thuật trong sản xuất thực phẩm mà còn được cung cấp các kiến thức qua phân thực hành ở phòng thí nghiệm. Tại các cơ sở thực hành này, sinh viên được thực tập về vi sinh vật học thực phẩm, về phân tích protein, lipid, glucit, vitamin ... - phân thực hành chiếm đến 50% thời gian học tập của sinh viên. Mặt khác sinh viên cũng được tổ chức đi tham quan các nhà máy, các cơ sở sản xuất, xem đó là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, các kiến thức được trang bị tại trường còn giúp sinh viên tiếp cận nhanh với cuộc sống như kỹ năng giao tiếp, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ẩm thực, luật vệ sinh an toàn thực phẩm. Đó là những yêu cầu không thể thiếu đối với một kỹ sư Công nghệ Thực phẩm.

6. Ngành Quản trị Kinh doanh

Tốt nghiệp cử nhân về Quản trị Kinh doanh (BBA), sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản và chuyên ngành về lĩnh vực chuyên môn “thời đại” này (chiến lược kinh doanh, quản lý các mặt, tiếp thị, kế toán, kiểm toán, tài chính tín dụng, hệ thống thông tin quản lý ...). Trong chương trình đào tạo của trường rất chú trọng đến các kỹ năng cần có đối với một cử nhân Quản trị Kinh doanh như: Tin học, giao tiếp, tiếng Anh chuyên ngành. Giáo trình chuyên môn luôn được hiện đại hóa và cập nhật với những vấn đề bức xúc của đất nước. Thầy dạy chuyên môn là các Giáo sư, Phó Giáo sư của các trường đại học, có kinh nghiệm dạy dỗ, dìu dắt chuyên môn cho sinh viên. Với sức mạnh tổng hợp của mình, nhà trường ra sức trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần có đối với người cử nhân Quản trị Kinh doanh. Và trong mối quan hệ xã hội của trường, sinh viên có nhiều cơ hội để tìm hiểu, thực tập ở các công ty, xí nghiệp hiện đại, làm ăn phát đạt. Cả nước phấn đấu để trước mắt có thêm 350.000 doanh nghiệp, chủ yếu là vừa và nhỏ. Ngành kinh tế nước ta đã hội nhập vào WTO và sắp hội nhập vào TPP, cơ hội việc làm đối với các cử nhân Quản trị Kinh doanh thật rạng rỡ.

7. Ngành Kỹ thuật Xây dựng

Nội dung đào tạo của ngành là xây dựng dân dụng và công nghiệp (nhà ở, văn phòng, nhà hàng, khách sạn, nhà máy, ...). Để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội hiện nay, các công trình dân dụng, công nghiệp phần lớn là nhà cao tầng, các công trình có kết cấu đặc biệt. Sinh viên phải vững vàng về mặt thiết kế kết cấu, đồng thời có khả năng nhất định về sáng tạo cấu hình, đường nét, màu sắc (kiến trúc). Bên cạnh kỹ năng chuyên ngành, sinh viên còn được trang bị các hiểu biết về xây dựng cầu đường, xây dựng các công trình thủy, ngành cấp thoát nước, ... Do vậy, sinh viên được học các

kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững vàng. Trong chuyên môn, bên cạnh những hiểu biết về lý thuyết, sinh viên bắt buộc phải thành thạo về thiết kế và thực hành tổ chức thi công tại công trường. Do nhu cầu bức xúc của sản xuất, đời sống, nhà trường vừa mở thêm ba chuyên ngành là Xây dựng Cầu đường, Cấp thoát nước và Quản lý xây dựng.

Tốt nghiệp ra trường, người kỹ sư Kỹ thuật Công trình Xây dựng sẽ làm việc tại các văn phòng tư vấn thiết kế xây dựng hoặc công tác tổ chức quản lý thi công. Bối cảnh phát triển kinh tế trong cả nước và của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay, triển vọng tìm việc làm của kỹ sư Kỹ thuật Công trình Xây dựng rất sáng sủa.

8. Ngành Thiết kế Công nghiệp

Tốt nghiệp cử nhân về Thiết kế Công nghiệp (Mỹ thuật Công nghiệp), trở thành một Designer – chuyên gia thiết kế chế tạo mẫu mã sản phẩm mới, bao bì và quảng cáo marketing, thiết kế Thiết kế sản phẩm, các chuyên gia Thiết kế nội thất, tạo mẫu thời trang, các nhà nghiên cứu lý luận mỹ thuật công nghiệp. Những chuyên gia mỹ thuật công nghiệp và mỹ thuật ứng dụng, có kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác thiết kế chế tạo sản phẩm trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và các cơ quan, tổ chức hành chính sự nghiệp, những cán bộ quản lý thẩm mỹ môi trường.

[E] MỘT SỐ ĐIỂM TRỌNG TÂM TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

[I] Các quy định liên quan đến công tác đào tạo

1. Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan đến công tác đào tạo và sinh viên

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Quyết định số 06/2008/QĐ-BGDĐT ngày 13/02/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;
- Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;
- Thông tư số 08/2015/TT-BGDĐT ngày 21/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 05/08/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;
- Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

2. Quy định của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn liên quan đến công tác đào tạo

- Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/09/2020 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ – áp dụng cho đại học khóa tuyển sinh từ 2017 và liên thông đại học khóa tuyển sinh từ 2019, kể từ năm học 2020 – 2021 (sau đây gọi là Quy chế 430-20/QĐ-DSG-ĐT);

- Quyết định số 402-21/QĐ-DSG-ĐT ngày 27/12/2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/09/2020 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (Sửa đổi nội dung các điều: Điều 20 và Điều 34 của Quy chế 430-20/QĐ-DSG-ĐT);
- Quyết định số 06-22/QĐ-DSG-ĐT ngày 10/01/2022 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/09/2020 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (Sửa đổi nội dung các điều: Điều 8 và Điều 9 của Quy chế 430-20/QĐ-DSG-ĐT);
- Quyết định số 253-09/QĐ-DSG-ĐT ngày 19/05/2009 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Quy định về Công tác Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập.

[II] Về sinh viên Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Tất cả mọi công dân Việt nam có bằng tú tài và tương đương trở lên đều có thể được tuyển vào học tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Người nước ngoài cũng có thể ghi danh học tại trường nếu họ đạt tiêu chuẩn văn hóa và đủ vốn tiếng Việt để theo học. Tuy nhiên việc vào học phải được sự chấp thuận của nhà nước Việt nam cũng như chính quyền nước họ.

Sinh viên học tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn phải tuân theo nội quy của trường. Sinh viên phải đóng đầy đủ, kịp thời học phí, lệ phí cũng như các yêu cầu đóng góp khác theo quy định của nhà trường.

Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp thuộc hệ thống văn bằng giáo dục đại học của quốc gia và các chứng chỉ tương ứng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sinh viên vào học tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, nếu học xuất sắc và có hoàn cảnh gia đình khó khăn có thể được cấp học bổng, miễn giảm học phí, giúp vay tiền từ quỹ tín dụng khuyến học, cũng như tạo thêm việc làm trong khi học tập cũng như khi ra trường.

[III] Đào tạo theo học chế tín chỉ:

Kể từ năm học 2009 – 2010, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn triển khai đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ.

Học chế tín chỉ là phương thức đào tạo lấy người học làm trung tâm, người học được chủ động lựa chọn tiến độ học tập, lựa chọn môn học (tuân theo một số ràng buộc được quy định trước) nhằm tích lũy từng phần và tiến tới hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo để được cấp văn bằng tốt nghiệp; họ còn có thể sử dụng các tín chỉ đã tích lũy để chuyển đổi sang một chuyên ngành hoặc một ngành mới cùng chung khối ngành đào tạo (khối kinh tế, khối công nghệ hoặc khối mỹ thuật).

[IV] Các nhiệm vụ chung của người cử nhân (kỹ sư):

Sinh viên sau khi tốt nghiệp với văn bằng cử nhân (kỹ sư) có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế:

- + Là cộng tác viên của kỹ sư trưởng, của cấp lãnh đạo trong cơ quan, doanh nghiệp.
- + Bằng chuyên môn của mình, thể hiện các ý tưởng về công nghệ của doanh nghiệp.
- + Giữ vai trò truyền đạt, diễn giải chỉ dẫn kinh doanh, công nghệ cho cán bộ, nhân viên thuộc quyền.
- + Tiến hành báo cáo công việc do mình phụ trách với những nhận xét chuyên nghiệp để giúp các cấp lãnh đạo ra các quyết định cần thiết.
- + Có đủ ý thức và khả năng tự học lâu dài, hiệu quả.

Để đóng góp hữu hiệu vào cuộc sống của các doanh nghiệp và để tạo điều kiện cho việc tái đào tạo, trong thời đại hiện nay, người cử nhân (kỹ sư) phải giỏi tin học và có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh cũng như có trình độ giao tiếp nhất định với người nước ngoài.

[V] Các hoạt động của người kỹ sư/cử nhân

Hoạt động của một kỹ sư/cử nhân phụ thuộc rất nhiều vào công việc của họ phụ trách ở cơ quan, doanh nghiệp, nơi họ làm việc. Ngày nay, đặc biệt cần có khả năng thích ứng với các doanh nghiệp, xí nghiệp vừa và nhỏ. Công việc có thể hình dung tổng quát như sau:

- Vào giai đoạn đầu:
 - + Thực hiện việc quản lý sản xuất theo quy trình hiện hữu của doanh nghiệp.
 - + Vận hành, bảo dưỡng, duy tu các hệ thống thiết bị trong doanh nghiệp.
 - + Thảo các văn bản về kỹ thuật công nghệ, quản trị theo yêu cầu của người phụ trách cơ quan, doanh nghiệp.
- Sau một thời gian làm việc, có thể được phân công:
 - + Phụ trách về công nghệ, quản trị ở một bộ phận công tác.
 - + Thiết kế, hoàn chỉnh và thực hiện việc lắp ráp các hệ thống, thiết bị.
 - + Nói chung, trách nhiệm được giao cho cán bộ kỹ thuật, quản trị phụ thuộc rất nhiều vào tính chất của doanh nghiệp. Yêu cầu chung đối với người cử nhân là phải có tinh thần trách nhiệm, khả năng sáng tạo, kỹ năng phân tích, đối thoại, diễn đạt tốt.

Những hoạt động được miêu tả vắn tắt trên, cũng như những trách nhiệm họ được giao phó, là các yêu cầu trong tuyển dụng, nhằm giúp cho cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng có thể tin tưởng giao phó cho họ những nhiệm vụ sau: Làm nhiệm vụ của người kỹ thuật viên, người quản trị cấp cao để trợ lý cho các cán bộ ở các doanh nghiệp trong nghiên cứu, hoạch định và phát triển.

- + Người thiết kế chính ở các bộ phận nghiên cứu và tư vấn.
- + Phụ trách về kỹ thuật ở các đơn vị thiết kế, kiến tạo và xây lắp.
- + Phụ trách về công nghệ ở các đơn vị tổ chức sản xuất.
- + Chuyên gia kinh doanh, tổ chức các cơ sở bán lẻ.

[VI] Yêu cầu đào tạo

Để đáp ứng được các yêu cầu về khả năng và nhiệm vụ sẽ phụ trách trong tương lai, các cử nhân (kỹ sư) phải được đào tạo theo diện rộng, nhằm tạo điều kiện cho người tốt nghiệp thích nghi được với các công việc rất đa dạng, giúp họ phát triển tính năng động và khả năng đào tạo nâng cao về sau.

Chính vì vậy, chương trình đào tạo của trường phải bao gồm các khối kiến thức hoàn chỉnh, để cập đến tất cả các phần của ngành nghề: Khoa học cơ bản (toán cao cấp, vật lý, ...), các môn kỹ thuật cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành, từ lý thuyết đến thí nghiệm. Hướng phân đầu lâu dài của trường là không ngừng nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập so với lý thuyết để sinh viên ngày một nâng cao kỹ năng hơn, phân đầu cuối cùng đạt được “tỷ lệ 1: 1”.

Ngoài ra không thể không quan tâm đến việc tham quan, tiếp cận với các tiến bộ về kỹ thuật, công nghệ mới ở cơ sở sản xuất, trong thời điểm hội nhập.

Với một cấu trúc kiến thức như vậy, cho phép người kỹ sư có thể đáp ứng tốt đối với nhiều dạng công việc do nhiều ngành nghề đặt ra và trong các lĩnh vực kinh tế khác nhau: Công nghiệp điện, công nghiệp điện tử, công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến thực phẩm và các ngành công nghiệp khác như cơ khí, luyện kim, hóa chất.

[VII] Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT):

Theo các chương trình đào tạo đã được xây dựng, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn mong muốn cung cấp cho sinh viên của trường các kiến thức về khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững vàng nhằm chuẩn bị tốt cho việc theo học các môn chuyên ngành, và có thể tiếp tục học tập của kiến thức trong tương lai. Phần chuyên ngành, tuy cơ bản cũng theo cấu tạo chung của các chương trình khung, nhưng nhà trường quan tâm sâu sắc đến đặc điểm của vùng miền (xây dựng trên nền đất yếu, thực phẩm trên cơ sở cây trái, nguyên liệu miền Nam, ... cũng như quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa), sự phát triển mới về công nghệ (chương trình BBA cho Quản trị Kinh doanh, những thành tựu mới về mạng, về E. commerce cho công nghệ thông tin, ... vi xử lý, PLC cho điện tử, cơ khí, về building cao tầng cho ngành Kỹ thuật Công trình ...).

Trong thực tế sản xuất, nghiên cứu, người kỹ sư thường phải giải quyết những vấn đề, mà để có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, họ cần phải có những hiểu biết về mặt xã hội, nhân văn và quản lý kinh tế. Chính vì vậy nên trong quá trình học tập ở trường, sinh viên được cung cấp thêm một số kiến thức về các mặt nói trên. Việc giảng dạy kiến thức này phải thích nghi với yêu cầu trong tương lai của người kỹ sư, nhằm tạo điều kiện để họ hiểu biết sâu sắc về vai trò của người kỹ sư trong xã hội.

Chương trình đào tạo các ngành của trường rất chú ý đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức về công nghệ thông tin. Trường cố gắng tăng cường nhanh chóng cơ sở vật chất thực hành để sinh viên có điều kiện thực hành trên máy tính, sử dụng internet. Cho đến nay, Trường đã trang bị một trung tâm điện toán, mười phòng máy với trên 300 máy tính nối mạng hiện đại, có thể chạy các phần mềm lớn và sinh viên có thể dùng thư viện điện tử ở bất kỳ máy tính nào của trường. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích sử dụng những công cụ tin học, internet phục vụ cho việc học tập của mình.

Các chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên những kinh nghiệm của các quá trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước.

Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:

- Phần chung toàn trường: Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- Phần chung của một số ngành: Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo. Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- Các môn học của ngành: Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiền trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.
- Về bài thi tốt nghiệp:
 - + Học kỳ cuối cùng được dành để sinh viên hoàn thành khối lượng bài thi tốt nghiệp. Bài thi tốt nghiệp giúp sinh viên hệ thống toàn bộ kiến thức đã được học tại trường, nâng cao lên một bước để thiết thực bước vào nghề nghiệp. Bài thi tốt nghiệp là một dạng lao động cá nhân cao độ, là dạng học tập “một Thầy – một trò”, nên đòi hỏi sự nỗ lực cá nhân của người sinh viên rất cao. Thời kỳ này sinh viên phải biết thu thập và xử lý số liệu, phải đọc sách và tài liệu nhiều hơn. Sinh viên phải gặp Thầy Cô hướng dẫn theo lịch quy định.
 - + Hình thức bài thi tốt nghiệp là sinh viên phải hoàn thành một luận văn, một đồ án tốt nghiệp, một bản tiểu luận; hoặc học môn thay thế bài thi tốt nghiệp.
 - + Trước khi bước vào học kỳ cuối, các Khoa sẽ thông báo đầy đủ tên, nội dung yêu cầu đối với từng luận văn, đồ án tốt nghiệp, Giảng viên hướng dẫn và thời gian hoàn thành, bảo vệ trước Hội đồng Tốt nghiệp. Với số sinh viên học và thi môn thay thế bài thi tốt nghiệp cũng được Khoa thông báo đầy đủ môn học thay thế, nội dung yêu cầu và thời điểm thi.
 - + Về mặt điểm số, bài thi tốt nghiệp được xem là môn học có số tín chỉ từ 05 đến 10.

[II] Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

1. Thời gian đào tạo:

Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.

Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học.

Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

| <u>Bậc học</u> | <u>Thời gian đào tạo chính khóa</u> | <u>Thời gian kéo dài</u> |
|--------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Đại học | 4,0 năm (8 học kỳ chính) | 2,0 năm (4 học kỳ chính) |
| Liên thông đại học | 1,5 – 2,0 năm (3 học kỳ chính) | 2,0 năm (4 học kỳ chính) |

Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.

Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

- Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - + 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 - + 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - + Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
- Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - + Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gởi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
 - + Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
 - + Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ.

Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.

- Tín chỉ được quy định bằng:
 - + 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - + 30 giờ thực tập/ thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - + 45 giờ thực tập tại cơ sở/ thực tập tốt nghiệp;
 - + 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/đồ án;
 - + 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.
 - + Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

2. Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 – 150 tín chỉ (đại học); 90 – 120 tín chỉ (cao đẳng). Bao gồm các khối kiến thức như sau:

- Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - + Giáo dục thể chất;
 - + Giáo dục quốc phòng.
- Kiến thức giáo dục đại cương:
 - + Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - + Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - + Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - + Kiến thức chuyên ngành;
 - + Kiến thức bổ trợ;
 - + Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
- Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.
- Nhóm các môn học trong chương trình:
 - + Các môn học lý thuyết;
 - + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
 - + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
 - + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
 - + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
 - + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
 - + Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận).

3. Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
 - + Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
 - + Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- Môn học thay thế = Môn học tương đương----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - + Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - + Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - + Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - o Ví dụ: Môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ trình tự sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)

- + Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
- + Ký hiệu về môn học tiên quyết, môn học trước, và môn học song hành:
 - o Môn học tiên quyết----- Ký hiệu: [TQ]
 - o Môn học trước----- Ký hiệu: [Tr]
 - o Môn học song hành----- Ký hiệu: [SH]
- Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
 - + Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - + Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

4. Ký hiệu liên quan đến môn học:

- Môn học được thể hiện:
 - + Mã số môn học: ----- [GS59001]
 - + Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - + Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- Có thể đọc và hiểu như sau:
 - + Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - o Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - o 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - o 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - o 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

5. Thang điểm đánh giá môn học:

- Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:
 - + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
 - + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
 - + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
 - + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.
- Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:
 - + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
 - + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
 - + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

| Điểm thành phần | Thang điểm 10 | Trọng số | Điều kiện |
|-----------------------|-------------------------------|----------|---|
| Điểm quá trình | a | x% | $x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$ |
| Điểm kiểm tra giữa kỳ | b | y% | $x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$ |
| Điểm thi cuối kỳ | c | z% | $x + y + z = 100\%$; $z \geq 50\%$ |
| Điểm tổng kết môn học | $a * x\% + b * y\% + c * z\%$ | | |

6. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo là 4,0 năm, chia thành 08 học kỳ chính, số tín chỉ trung bình mỗi học kỳ là 18 tín chỉ.

Hoạt động đào tạo của trường được tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Định kỳ hàng năm, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành Biểu đồ giảng dạy và học tập năm học. Toàn trường triển khai công tác đào tạo theo tiến độ đã thông báo và cam kết với người học. Từ đó, người học chủ động sắp xếp công việc cá nhân cho phù hợp tiến độ học tập.

Chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy dự kiến sẽ được công bố trên cổng thông tin đào tạo của nhà trường, trong niên giám, và trong sổ tay sinh viên.

Trước mỗi học kỳ, từ 04 – 08 tuần, nhà trường thông báo danh sách các lớp – môn học được tổ chức giảng dạy trong học kỳ sắp đến; thông tin gồm có: tên môn học, các nhóm lớp môn học, thời khóa biểu, cán bộ giảng dạy, học phí ... để người học lựa chọn, đăng ký môn học dưới sự tư vấn của Ban Chủ nhiệm khoa, cố vấn học tập, và chuyên viên Phòng Đào tạo. Điều này nhằm đảm bảo sự hợp lý của việc đăng ký môn học. Ngoài những học phần được tổ chức đúng kế hoạch, nhà trường còn tạo điều kiện cho sinh viên đăng ký những lớp – môn học ngoài kế hoạch chung khi thỏa điều kiện mở lớp. Vì vậy, các lớp sinh viên nên chủ động thảo luận trong nhóm và cùng đề xuất tổ chức lớp ngoài kế hoạch. Khi thỏa điều kiện mở lớp (sĩ số, giảng viên, thời khóa biểu, ...), nhà trường sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của sinh viên.

Sau khi tổng hợp số liệu về đăng ký môn học, Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn sẽ điều chỉnh lại kế hoạch đào tạo, tổ chức giảng dạy thành lịch học chính thức của toàn trường, của Khoa chuyên môn, và của từng sinh viên trong học kỳ và năm học.

[F] **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH** (xem chi tiết trong phụ lục)

[G] **KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT** (xem chi tiết trong phụ lục)

[H] **QUY CHẾ ĐÀO TẠO** (xem chi tiết trong phụ lục)

[I] **CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH** (xem chi tiết trong phụ lục)

[J] **HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CỔNG THÔNG TIN TRỰC TUYẾN** (xem chi tiết trong phụ lục)